SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH LỚP 10, NĂM HỌC 2024 – 2025

1. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển
2. Nguồn tuyển sinh: 612 học sinh lớp 9 THCS trên toàn tỉnh Lào Cai
3. Chỉ tiêu tuyển sinh: 11 lớp, tổng số 385 học sinh
4. Phương án tuyển sinh:

Chuyên Toán		Chuyên Tin		Chuyên Vật lý		Chuyên Hóa học		Chuyên Sinh học		Chuyên Ngữ Văn		Chuyên Lịch Sử		Chuyên Địa Lý		Chuyên Tiếng Anh		Chuyên Trung		Tổng số tuyển
Điểm xét tuyển	Số lượng tuyển	Điểm xét tuyển	Số lượng tuyển	Điểm xét tuyển	Số lượng tuyển	Điểm xét tuyển	Số lượng tuyển	Điểm xét tuyển	Số lượng tuyển	Điểm xét tuyển	Số lượng tuyển	Điểm xét tuyển	Số lượng tuyển	Điểm xét tuyển	Số lượng tuyển	Điểm xét tuyển	Số lượng tuyển	Điểm xét tuyển	Số lượng tuyển	
35,35	35	31,10	35	37,15	35	33,16	35	37,21	35	34,85	35	29,30	35	30,15	35	38,00	70	32,50	35	385

Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT
Ngô Thị Thu Hường

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH

LÃNH ĐẠO SỞ GD&ĐT
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Thuận

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN TIẾNG ANH
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	SBD	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Nguyện vọng chuyên 1			Nguyện vọng chuyên 2			Điểm môn không chuyên				Điểm môn chuyên				Điểm xét tuyển
								Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Chuyên buổi 1		Chuyên buổi 2		
1	210542	Vũ Thu	Uyên	15/11/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.7				9.00	8.75	9.90		Tiếng Anh	8.75			45.15
2	210054	Trịnh Minh	Anh	23/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.8				8.50	9.00	9.90		Tiếng Anh	8.60			44.60
3	210119	Cao Mỹ	Duyên	06/10/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.4				8.50	10.00	9.70		Tiếng Anh	8.20			44.60
4	210431	Nguyễn Hiền	Phương	02/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	10				8.50	9.00	9.80		Tiếng Anh	8.55			44.40
5	210152	Nguyễn Minh	Đức	28/08/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.9				8.00	9.00	9.80		Tiếng Anh	8.70			44.20
6	210264	Lê Trang	Linh	11/05/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	10				8.50	9.00	9.70		Tiếng Anh	8.50			44.20
7	210287	Vũ Đỗ Khánh	Linh	01/06/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.6				8.75	8.75	9.50		Tiếng Anh	8.55			44.10
8	210013	Đặng Quỳnh	Anh	09/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.8				8.25	8.75	9.70		Tiếng Anh	8.50			43.70
9	210452	Trần Hương	Quỳnh	25/03/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.3				8.50	9.50	9.60		Tiếng Anh	8.00			43.60
10	210312	Đặng Hoàng Tuệ	Mẫn	17/10/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.7				8.50	9.00	9.80		Tiếng Anh	8.10			43.50
11	210501	Đỗ Tất	Thắng	23/03/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.2				8.00	10.00	9.50		Tiếng Anh	7.90			43.30
12	210346	Phạm Trần Nhật	Nam	22/12/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.9				7.50	9.25	9.70		Tiếng Anh	8.40			43.25
13	210260	Hoàng Lê Ngọc	Linh	25/05/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.7				8.00	8.50	9.70		Tiếng Anh	8.50			43.20
14	210265	Nguyễn Hà	Linh	04/09/2009	Nữ	Kinh	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Anh	9.4				8.50	8.50	10.00		Tiếng Anh	8.05			43.10
15	210052	Trần Tú	Anh	04/08/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.6				8.00	8.00	9.70		Tiếng Anh	8.70			43.10
16	210125	Nguyễn Hải	Dương	09/07/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.7				8.00	9.25	9.70		Tiếng Anh	8.00			42.95
17	210418	Phạm Mai	Phong	23/02/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.8				8.25	9.50	9.60		Tiếng Anh	7.80			42.95
18	210553	Phạm Bá	Vinh	09/09/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.3				9.25	9.00	9.30		Tiếng Anh	7.70			42.95
19	210237	Lưu An	Khánh	30/06/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.7				8.25	9.25	9.50		Tiếng Anh	7.95			42.90
20	210529	Phạm Minh	Trang	25/10/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Anh	9.3				8.25	9.25	9.70		Tiếng Anh	7.85			42.90
21	210158	Vũ Hương	Giang	15/09/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.8				8.75	8.00	9.40		Tiếng Anh	8.35			42.85
22	210357	Nguyễn Thiên	Ngân	29/09/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.1				8.25	9.50	9.90		Tiếng Anh	7.45			42.55
23	210146	Cao Minh	Đức	20/10/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.8				6.00	9.50	9.70		Tiếng Anh	8.65			42.50
24	210178	Bùi Thảo	Hiền	23/03/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.8				8.50	8.00	9.70		Tiếng Anh	8.05			42.30
25	210074	Hoàng Việt	Cường	22/11/2009	Nam	Tày	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Anh	9.8				7.75	9.50	9.40		Tiếng Anh	7.80			42.25
26	210370	Nguyễn Hồng	Ngọc	11/11/2009	Nữ	Tày	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.1				7.75	8.75	9.40		Tiếng Anh	8.15			42.20
27	210428	Hoàng Tuấn	Phương	08/02/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.4				8.00	7.50	9.60		Tiếng Anh	8.35			41.80
28	210505	Lê Nguyễn Anh	Thơ	15/10/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.4				8.00	8.75	9.70		Tiếng Anh	7.65			41.75
29	210285	Trần Quý	Linh	14/06/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.3				8.50	9.00	9.10		Tiếng Anh	7.50			41.60
30	210221	Vũ Ngọc	Huyền	26/01/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.6				7.75	8.50	9.20		Tiếng Anh	8.00			41.45
31	210409	Lê Trang	Nhung	24/06/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.8				8.08	8.50	9.70		Tiếng Anh	7.50			41.28
32	210168	Tô Thị Trường	Hà	25/03/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.6				8.50	9.00	8.70		Tiếng Anh	7.50			41.20
33	210292	Sùng Mạnh	Long	12/02/2009	Nam	Hmông	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.1				7.75	8.25	9.50		Tiếng Anh	7.75			41.00
34	210362	Đặng Minh	Ngọc	07/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.4				8.50	8.00	9.40		Tiếng Anh	7.50			40.90
35	210413	Vũ Quỳnh	Như	15/11/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.2				8.50	9.25	9.00		Tiếng Anh	7.05			40.85
36	210008	Vũ Ngọc Minh	An	15/05/2009	Nam	Tày	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.4				7.50	8.50	9.70		Tiếng Anh	7.50			40.70
37	210193	Phạm Tuấn	Hòa	02/01/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.1				7.50	9.00	9.50		Tiếng Anh	7.20			40.40
38	210002	Lại Hải	An	27/10/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Anh	9.4				7.25	7.00	9.90		Tiếng Anh	8.10			40.35
39	210017	Đỗ Tuấn	Anh	22/03/2009	Nam	Kinh	Số 1 Phố Ràng	Thi tuyển	Anh	9.7				6.50	9.50	9.60		Tiếng Anh	7.35			40.30
40	210209	Phạm Gia	Huy	02/02/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Anh	8.8				7.75	8.50	9.40		Tiếng Anh	7.30			40.25
41	210294	Nguyễn Vương	Lực	29/01/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	8.7				7.25	9.00	9.40		Tiếng Anh	7.30			40.25
42	210378	Bùi Thị Thảo	Nguyên	18/06/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.1				8.00	8.00	9.50		Tiếng Anh	7.35			40.20
43	210241	Sùng Gia	Khánh	24/01/2009	Nữ	Hmông	TT Bát Xát	Thi tuyển	Anh	9.4				8.00	9.25	9.40		Tiếng Anh	6.70			40.05
44	210304	Nguyễn Phương	Mai	17/05/2009	Nữ	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Anh	9.6				7.75	7.50	9.10		Tiếng Anh	7.85			40.05
45	210025	Nông Vũ Châu	Anh	09/11/2009	Nữ	Tày	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.6				8.00	7.75	9.50		Tiếng Anh	7.30			39.85
46	210239	Nguyễn Đạt	Khánh	11/12/2009	Nam	Kinh	Tăng Loỏng	Thi tuyển	Anh	9.5				7.50	9.00	9.20		Tiếng Anh	7.05			39.80
47	210272	Nguyễn Lê Khánh	Linh	03/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.7				6.50	9.00	9.10		Tiếng Anh	7.60			39.80
48	210024	Lưu Ngọc Châu	Anh	22/03/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9.1				8.50	9.50	9.30		Tiếng Anh	6.15			39.60
49	210533	Hoàng Bảo	Trâm	14/10/2009	Nữ	Kinh	Số 1 Gia Phú	Thi tuyển	Anh	9.5				7.25	8.25	10.00		Tiếng Anh	7.05			39.60

50	210367	Lưu Như Bảo	Ngọc	01/06/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.3				7.50	8.25	9.60		Tiếng Anh	6.85			39.05
51	210230	Tráng Trung	Kiên	14/12/2009	Nam	Mông	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Anh	9.2				7.50	7.50	9.20		Tiếng Anh	7.40			39.00
52	210262	Lê Hoàng	Linh	17/08/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	9.4				8.25	7.25	9.20		Tiếng Anh	7.15			39.00
53	210407	Quan Yến	Nhi	07/12/2009	Nữ	Tày	NT Si Ma Cai	Thi tuyển	Anh	9.6				8.00	8.00	9.50		Tiếng Anh	6.75			39.00
54	210140	Ngô Minh	Đăng	08/12/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	8.8				7.25	7.50	9.50		Tiếng Anh	7.25			38.75
55	210518	Mai Thị Ngân	Thương	08/03/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Anh	8.7				6.75	8.25	9.20		Tiếng Anh	7.25			38.70
56	210525	Lưu Vũ Hà	Trang	02/02/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	8.7				8.25	7.75	9.10		Tiếng Anh	6.80			38.70
57	210175	Lê Ngọc	Hân	28/05/2009	Nữ	Kinh	TT Mường Khương	Thi tuyển	Anh	9.5				7.50	8.75	9.30		Tiếng Anh	6.50			38.55
58	210306	Phạm Thanh	Mai	08/10/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Anh	9.3				6.50	7.25	9.90		Tiếng Anh	7.45			38.55
59	210432	Nguyễn Ngân	Phương	26/02/2009	Nữ	Kinh	Vạn Hòa	Thi tuyển	Anh	9.5				7.75	8.50	8.90		Tiếng Anh	6.70			38.55
60	210227	Lý Ngọc	Hương	06/09/2009	Nữ	Phù Lá	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9				7.00	8.75	9.30		Tiếng Anh	6.70			38.45
61	210041	Phạm Tuấn	Anh	15/06/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Anh	8.9				7.75	9.00	9.30		Tiếng Anh	6.15			38.35
62	210088	Mai Linh	Chi	27/12/2009	Nữ	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Anh	9.1				7.50	8.75	9.40		Tiếng Anh	6.35			38.35
63	210194	Phan Thị Khánh	Hòa	11/04/2009	Nữ	Kinh	TT Phố Lu	Thi tuyển	Anh	9.6				7.50	7.25	9.40		Tiếng Anh	7.10			38.35
64	210257	Đoàn Khánh	Linh	16/11/2009	Nữ	Kinh	Tằng Loỏng	Thi tuyển	Anh	9.5				8.00	6.75	9.50		Tiếng Anh	7.00			38.25
65	210522	Đinh Lê Thùy	Trang	15/01/2009	Nữ	Thái	TT Phố Lu	Thi tuyển	Anh	9.6				7.50	7.25	9.10		Tiếng Anh	7.15			38.15
66	210246	Lý Chi	Lan	12/01/2009	Nữ	Kinh	Bắc Lệnh	Thi tuyển	Anh	8.2				8.25	8.50	9.20		Tiếng Anh	6.10			38.15
67	210030	Nguyễn Lan	Anh	01/03/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	8.7				8.25	7.75	9.80		Tiếng Anh	6.15			38.10
68	210027	Nguyễn Đức	Anh	09/02/2009	Nam	Kinh	Lê Hồng Phong	Thi tuyển	Anh	9.1				5.50	6.25	9.70		Tiếng Anh	8.30			38.05
69	210198	Dương Huy	Hoàng	01/03/2009	Nam	Tày	Bắc Cường	Thi tuyển	Anh	9.1				7.75	7.50	9.10		Tiếng Anh	6.85			38.05
70	210517	Vương Anh	Thư	03/01/2009	Nữ	Giáy	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Anh	9				6.75	9.25	9.50		Tiếng Anh	6.25			38.00

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Số học sinh dự thi: học sinh

Nhà trường đề nghị tuyển: 70 học sinh

Điểm chuẩn: 38.00

Trong đó: HS dân tộc: 12 ; HS nữ: 49

Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN TỈNH LÀO CAI

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT

Ngô Thị Thu Hường

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH

Đỗ Mạnh Cường

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt trúng tuyển: 70 học sinh

Điểm chuẩn: 38.00

Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH LÀO CAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thuận

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN TIẾNG TRUNG QUỐC
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	SBD	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Nguyện vọng chuyên 1			Nguyện vọng chuyên 2			Điểm môn không chuyên				Điểm môn chuyên				Điểm xét tuyển
								Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Chuyên buổi 1		Chuyên buổi 2		
1	210596	Nguyễn Trang	Nhung	26/12/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Trung	9.6				8.00	8.50		9.60	Tiếng Trung	9.06			44.22
2	210563	Lục Hà	Anh	27/10/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Trung	8.9				8.25	7.75		10.00	Tiếng Trung	8.80			43.60
3	210610	Trần Bảo	Trâm	12/11/2009	Nữ	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Trung	8.3	Thi tuyển	Lịch sử	8.6	8.00	8.25		9.60	Tiếng Trung	8.49	Lịch sử	BT	42.83
4	210583	Phạm Hà	Linh	04/09/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Trung	9.5				7.75	8.50		9.20	Tiếng Trung	8.65			42.75
5	210578	Nguyễn Bạch	Kim	23/04/2009	Nữ	Kinh	Bản Phiệt	Thi tuyển	Trung	9.6				8.25	8.00		9.40	Tiếng Trung	8.50			42.65
6	210601	Nguyễn Tạ	Tâm	28/08/2009	Nữ	Tày	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Trung	9.4				7.75	8.25		9.00	Tiếng Trung	8.70			42.40
7	210597	Nguyễn Mai	Phương	02/05/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Trung	7.4				6.75	7.75		9.00	Tiếng Trung	9.30			42.10
8	210565	Nguyễn Thị Hải	Anh	12/03/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Trung	9.1				7.50	8.75		9.40	Tiếng Trung	8.06			41.77
9	210611	Nguyễn Hà	Vy	19/06/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Trung	9.7				8.00	8.00		9.60	Tiếng Trung	8.06			41.72
10	210575	Phạm Ngọc	Hà	02/06/2009	Nữ	Kinh	TT Phố Lu	Thi tuyển	Trung	7.9				7.33	8.75		9.80	Tiếng Trung	7.80			41.48
11	210580	Lê Đăng	Khoa	26/06/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Trung	8				6.50	8.50		9.40	Tiếng Trung	8.48			41.36
12	210584	Phùng Nhật	Linh	26/05/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Trung	9.7				7.75	7.25		9.20	Tiếng Trung	8.38			40.96
13	210606	Nguyễn Anh	Thư	10/10/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Trung	7.2				8.00	7.75		9.20	Tiếng Trung	7.78			40.51
14	210568	Lã Hiếu	Băng	12/07/2009	Nữ	Tày	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Trung	9.6				8.75	8.25		9.00	Tiếng Trung	7.01			40.02
15	210573	Nguyễn Hương	Giang	01/08/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Trung	7				7.75	8.25		9.80	Tiếng Trung	6.89			39.58
16	210574	Ngô Trần Ngọc	Hà	22/12/2009	Nữ	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Trung	7.9				7.50	8.75		9.20	Tiếng Trung	7.00			39.45
17	210587	Lý Minh	Mẫn	05/03/2009	Nữ	Giáy	T.T Phong Hải	Thi tuyển	Trung	9.8				7.00	7.25		9.60	Tiếng Trung	7.75			39.35
18	210586	Phàn Thị	Mai	08/09/2009	Nữ	Dao	TT Mường Khương	Thi tuyển	Trung	9.4				4.00	7.50		10.00	Tiếng Trung	8.89			39.28
19	210612	Trần Phương	Vy	05/12/2009	Nữ	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Trung	8.8				7.00	7.50		8.80	Tiếng Trung	7.89			39.08
20	210570	Ma Thị	Dung	06/08/2009	Nữ	Hmông	TT Mường Khương	Thi tuyển	Trung	9.3				5.75	6.25		10.00	Tiếng Trung	8.45			38.90
21	210605	Nông Hoàng Anh	Thư	05/11/2009	Nữ	Tày	Kim Tân	Thi tuyển	Trung	7.5				8.00	8.00		8.60	Tiếng Trung	6.81			38.22
22	210579	Nguyễn Ngọc	Khánh	15/05/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Trung	9.3				8.25	7.50		9.60	Tiếng Trung	6.34			38.03
23	210602	Bùi Lê Thiên	Thảo	03/09/2009	Nữ	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Trung	7.6				6.50	7.75		9.00	Tiếng Trung	7.17			37.59
24	210603	Nguyễn Tiến Minh	Thuận	04/09/2009	Nam	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Trung	9.1				6.00	7.75		9.20	Tiếng Trung	7.21			37.37
25	210572	Hoàng Hương	Giang	16/02/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Trung	7				6.75	8.25		9.20	Tiếng Trung	6.58			37.36
26	210581	Nguyễn Mai	Linh	24/09/2009	Nữ	Kinh	Pom Hán	Thi tuyển	Trung	8.1				7.00	8.25		9.40	Tiếng Trung	6.33			37.31
27	210594	Nguyễn Bích	Ngọc	02/10/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Trung	9.6				7.25	6.75		9.00	Tiếng Trung	6.80			36.60
28	210564	Nguyễn Phương	Anh	13/12/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Trung	7.1				8.50	7.50		9.80	Tiếng Trung	5.37			36.54
29	210582	Nguyễn Ngọc	Linh	15/10/2009	Nữ	Kinh	Pom Hán	Thi tuyển	Trung	8				8.00	8.50		8.00	Tiếng Trung	5.63			35.76
30	210589	Võ Hà	Minh	10/03/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Trung	9.6				7.75	8.75		8.00	Tiếng Trung	5.38			35.26
31	210609	Nguyễn Thu	Trang	02/01/2009	Nữ	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Trung	9.1				7.00	9.25		8.20	Tiếng Trung	5.40			35.25
32	210592	Phạm Hoàng	Nam	26/12/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Trung	8.8				7.00	7.50		8.60	Tiếng Trung	5.85			34.80
33	210571	Đào Thùy	Dương	01/11/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Trung	9.3				8.00	7.75		9.40	Tiếng Trung	4.45			34.05
34	210591	Nguyễn Đức	Nam	08/08/2009	Nam	Tày	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Trung	7.8				6.00	8.00		8.80	Tiếng Trung	5.60			34.00
35	210593	Bùi Bảo	Ngọc	28/02/2009	Nữ	Dao	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Trung	7.7				7.25	8.25		8.80	Tiếng Trung	4.10			32.50

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Số học sinh dự thi: học sinh
Nhà trường đề nghị tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 32.50
Trong đó: HS dân tộc : 08 ; HS nữ: 31

Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT

Trần Thị Dịn

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH

Đỗ Mạnh Cường

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt trúng tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 32.50

Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thuân

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN ĐỊA LÍ
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	SBD	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Nguyện vọng chuyên 1			Nguyện vọng chuyên 2			Điểm môn không chuyên				Điểm môn chuyên				Điểm xét tuyển
								Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Chuyên buổi 1		Chuyên buổi 2		
1	210516	Trần Thị Anh	Thư	15/10/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Địa lí	9.9				8.25	8.00	8.90				Địa lí	8.25	41.65
2	210303	Nguyễn Ngọc	Mai	22/06/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Địa lí	9.6				8.50	8.50	8.50				Địa lí	7.00	39.50
3	210254	Trịnh Tú	Liên	11/04/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Địa lí	9.5				8.75	8.50	8.60				Địa lí	6.50	38.85
4	210338	Lê Hà	My	20/12/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Địa lí	9.8				8.00	7.50	9.40				Địa lí	6.50	37.90
5	210120	Nguyễn Thị Hà	Duyên	30/08/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Địa lí	8.9				7.75	7.25	8.20				Địa lí	7.25	37.70
6	210332	Phạm Quang	Minh	07/03/2009	Nam	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Địa lí	8.9				8.50	8.25	9.30				Địa lí	5.75	37.55
7	210550	Nguyễn Doãn	Vinh	07/08/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Địa lí	9.1				8.25	8.50	8.70				Địa lí	6.00	37.45
8	210383	Lục Nguyễn Thảo	Nguyên	27/12/2009	Nữ	La Chí	Kim Tân	Thi tuyển	Địa lí	8.8				8.25	8.25	8.20				Địa lí	6.25	37.20
9	210456	Phan Trịnh Bảo	Sơn	15/12/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Địa lí	8.6	Thi tuyển	Toán	8.5	6.25	9.50	9.40		Toán	3.50	Địa lí	6.00	37.15
10	210232	Vũ Vương Tuấn	Kiệt	13/06/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Địa lí	8.4				7.00	7.50	9.50				Địa lí	6.25	36.50
11	210342	Chu Hải	Nam	22/03/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Địa lí	7.5				7.25	7.75	8.50				Địa lí	6.50	36.50
12	210469	Trần Minh	Tú	23/07/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Địa lí	8.1				6.25	7.75	7.90				Địa lí	7.25	36.40
13	210281	Phạm Thùy	Linh	18/07/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Địa lí	9.1				7.75	7.50	9.10				Địa lí	6.00	36.35
14	210277	Nguyễn Thị Thùy	Linh	01/01/2009	Nữ	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Địa lí	9				7.25	7.75	8.70				Địa lí	6.25	36.20
15	210105	Đậu Thùy	Dung	24/08/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Địa lí	8.5				7.25	8.75	8.60				Địa lí	5.75	36.10
16	210291	Mạc Hải	Long	30/06/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Địa lí	9				7.50	7.50	9.10				Địa lí	6.00	36.10
17	210161	Lê Khánh	Hà	17/10/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Địa lí	8.8				8.00	8.25	8.20				Địa lí	5.75	35.95
18	210098	Vũ Quỳnh	Chi	01/02/2009	Nữ	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Địa lí	9.7				7.00	9.25	7.90				Địa lí	5.75	35.65
19	210166	Phan Thanh	Hà	16/02/2009	Nữ	Tày	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Địa lí	9.4				7.75	7.75	9.30				Địa lí	5.00	34.80
20	210138	Vũ Tiến	Đạt	03/11/2009	Nam	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Địa lí	7.6				7.75	8.00	8.50				Địa lí	5.25	34.75
21	210266	Nguyễn Hà	Linh	31/07/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Địa lí	9.6				7.75	7.00	7.40				Địa lí	6.25	34.65
22	210176	Nguyễn Gia	Hân	04/09/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Địa lí	8.1				7.25	8.50	7.80				Địa lí	5.50	34.55
23	210463	Nguyễn Thủy	Tiên	30/09/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Địa lí	9.2				7.00	8.00	6.70				Địa lí	6.25	34.20
24	210126	Nguyễn Hồng	Dương	01/06/2009	Nữ	H Mông	Kim Tân	Thi tuyển	Địa lí	7.4				8.00	9.00	8.10				Địa lí	4.50	34.10
25	210498	Vi Hương	Thảo	26/11/2009	Nữ	Nùng	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Địa lí	9.8				7.50	6.75	8.70				Địa lí	5.50	33.95
26	210322	Đỗ Nhật	Minh	09/09/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Địa lí	8.3				8.25	9.00	6.60				Địa lí	5.00	33.85
27	210072	Vũ Thanh	Bình	22/03/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Địa lí	9.3				5.75	6.25	8.00				Địa lí	6.75	33.50
28	210354	Lê Kim	Ngân	17/07/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Địa lí	8.1				7.00	7.00	7.90				Địa lí	5.75	33.40
29	210324	Hoàng Tiến	Minh	03/08/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	8.7	Thi tuyển	Địa lí	8.2	7.25	9.50	9.00		Toán	4.50	Địa lí	3.75	33.25
30	210094	Nguyễn Uyển	Chi	28/11/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Địa lí	8.7				7.00	7.75	7.40				Địa lí	5.50	33.15
31	210081	Phạm Thị Minh	Châu	04/09/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Địa lí	7.6				7.00	8.75	7.30				Địa lí	5.00	33.05
32	210181	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17/06/2009	Nữ	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Địa lí	8.5				7.75	7.00	6.40				Địa lí	5.50	32.15
33	210478	Nguyễn Minh	Tuyết	28/05/2009	Nữ	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Địa lí	9.4				7.50	8.00	6.50				Địa lí	5.00	32.00
34	210131	Phạm Linh	Đan	06/09/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Địa lí	8.1	Thi tuyển	Trung	8.1	8.25	8.00	9.30		Tiếng Trung	1.50	Địa lí	2.75	31.05
35	210045	Trần Đức	Anh	30/11/2009	Nam	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Địa lí	8.8				6.50	8.25	7.40				Địa lí	4.00	30.15

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Số học sinh dự thi: học sinh
Nhà trường đề nghị tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 30.15
Trong đó: HS dân tộc: 04 ; HS nữ: 23

Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT

Ngô Thị Thu Hường

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH

Đỗ Mạnh Cường

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt trúng tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 30.15

Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thuận

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	SBD	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Nguyện vọng chuyên 1			Nguyện vọng chuyên 2			Điểm môn không chuyên				Điểm môn chuyên				Điểm xét tuyển
								Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Chuyên buổi 1		Chuyên buổi 2		
1	210395	Hoàng	Nhi	13/06/2009	Nữ	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Lịch sử	8.50				8.25	8.75	9.10				Lịch sử	6.25	38.60
2	210530	Phạm Thùy	Trang	14/06/2009	Nữ	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Lịch sử	9.00				8.00	8.75	7.20				Lịch sử	6.75	37.45
3	210151	Nguyễn Đinh Minh	Đức	01/10/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Lịch sử	9.00	Thi tuyển	Anh	8.4	8.00	8.75	9.60		Tiếng Anh	BT	Lịch sử	5.50	37.35
4	210233	Nguyễn Hữu	Khang	04/08/2009	Nam	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Lịch sử	8.60				7.50	8.00	7.40				Lịch sử	7.00	36.90
5	210352	Lê Thu	Nga	30/08/2009	Nữ	Kinh	Pom Hán	Thi tuyển	Lịch sử	9.70				8.25	8.00	8.30				Lịch sử	6.00	36.55
6	210470	Vũ Cẩm	Tú	02/08/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Lịch sử	9.40	Thi tuyển	Anh	8.6	8.00	8.50	9.50		Tiếng Anh	BT	Lịch sử	5.25	36.50
7	210179	Bùi Thu	Hiền	04/12/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Lịch sử	9.40				8.50	7.75	9.10				Lịch sử	5.50	36.35
8	210356	Nguyễn Bảo	Ngân	18/09/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Lịch sử	8.90				8.00	8.00	6.70				Lịch sử	6.75	36.20
9	210417	Lê Trần Quang	Phong	08/07/2009	Nam	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Lịch sử	8.10				7.50	8.25	8.40				Lịch sử	6.00	36.15
10	210526	Nguyễn Huyền	Trang	07/06/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Lịch sử	9.80				7.50	8.00	8.40				Lịch sử	6.00	35.90
11	210263	Lê Thùy	Linh	05/07/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Lịch sử	8.70				8.00	6.50	7.00				Lịch sử	7.00	35.50
12	210062	Tạ Ngọc	Ánh	19/07/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Lịch sử	9.50				7.50	7.50	7.40				Lịch sử	6.50	35.40
13	210373	Nguyễn Yến	Ngọc	23/05/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Lịch sử	9.00				7.75	7.50	8.60				Lịch sử	5.75	35.35
14	210043	Tô Tú	Anh	23/09/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Lịch sử	9.00				8.00	7.25	7.80				Lịch sử	6.00	35.05
15	210167	Tô Thanh	Hà	15/05/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Lịch sử	9.50				7.08	8.25	7.90				Lịch sử	5.75	34.73
16	210118	Lê Trần Khánh	Duy	27/10/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Lịch sử	9.80				6.00	6.50	8.20				Lịch sử	7.00	34.70
17	210243	Lâm Đức	Khoa	13/12/2009	Nam	Tày	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Lịch sử	9.10				7.25	8.25	7.10				Lịch sử	6.00	34.60
18	210083	Bùi Tuệ	Chi	30/12/2009	Nữ	Giáy	Lê Hồng Phong	Thi tuyển	Lịch sử	9.30				6.25	7.00	8.20				Lịch sử	6.50	34.45
19	210315	Nguyễn Đoàn Mi	Mi	22/06/2009	Nữ	Kinh	Khánh Yên	Thi tuyển	Lịch sử	9.50				7.00	6.75	5.60				Lịch sử	7.25	33.85
20	210567	Trần Hà	Anh	09/09/2009	Nữ	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Lịch sử	9.30				7.25	8.25		8.80			Lịch sử	4.75	33.80
21	210099	Trịnh Quang	Chinh	19/09/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Lịch sử	8.50				7.00	6.50	8.70				Lịch sử	5.75	33.70
22	210078	Ngô Minh	Châu	22/04/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Lịch sử	8.50				7.75	8.00	8.20				Lịch sử	4.75	33.45
23	210014	Đặng Quỳnh	Anh	07/07/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Lịch sử	8.90				7.75	7.00	7.80				Lịch sử	5.25	33.05
24	210117	Lê Nguyễn Khánh	Duy	27/06/2009	Nam	Giáy	Kim Tân	Thi tuyển	Lịch sử	8.00				6.25	8.00	8.70				Lịch sử	5.00	32.95
25	210353	Bùi Kim	Ngân	23/10/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Lịch sử	9.00				7.00	8.75	7.00				Lịch sử	5.00	32.75
26	210242	Vũ Huy	Khánh	11/09/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Lịch sử	9.30				8.25	6.50	8.80				Lịch sử	4.50	32.55
27	210268	Nguyễn Hoàng	Linh	13/12/2009	Nữ	Kinh	Bắc Lệnh	Thi tuyển	Lịch sử	8.20				7.00	7.00	6.40				Lịch sử	6.00	32.40
28	210157	Phạm Trà	Giang	18/11/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Lịch sử	9.00				7.75	8.25	6.80				Lịch sử	4.50	31.80
29	210113	Nguyễn Quang	Dũng	27/10/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Lịch sử	8.10				5.75	7.75	6.80				Lịch sử	5.50	31.30
30	210003	Lê Minh	An	03/09/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Lịch sử	8.40				7.25	8.25	7.70				Lịch sử	4.00	31.20
31	210076	Lại Vũ Minh	Châu	16/05/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Lịch sử	8.00				7.75	6.25	7.60				Lịch sử	4.75	31.10
32	210331	Nguyễn Thị Phượng	Minh	22/08/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Lịch sử	8.30				7.50	7.25	7.30				Lịch sử	4.50	31.05
33	210483	Lê Thị Phương	Thanh	16/11/2009	Nữ	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Lịch sử	9.40				8.00	7.25	6.10				Lịch sử	4.75	30.85
34	210405	Nguyễn Yến	Nhi	10/06/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Lịch sử	9.60				8.00	8.00	8.30				Lịch sử	2.50	29.30
35	210540	Nguyễn Thanh	Trúc	08/07/2009	Nữ	Kinh	Lê Hồng Phong	Thi tuyển	Lịch sử	8.70				5.75	7.25	7.30				Lịch sử	4.50	29.30

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Số học sinh dự thi: học sinh
Nhà trường đề nghị tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 29.30
Trong đó: HS dân tộc: 03 ; HS nữ: 25

Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT

Ngô Thị Thu Hường

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH

Đỗ Mạnh Cường

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt trúng tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 29.30

Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thuận

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN NGỮ VĂN
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	SBD	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Nguyện vọng chuyên 1			Nguyện vọng chuyên 2			Điểm môn không chuyên				Điểm môn chuyên				Điểm xét tuyển
								Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Chuyên buổi 1		Chuyên buổi 2		
1	210366	Lê Hồng	Ngọc	07/04/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Ngữ văn	8.5				9.50	9.50	9.40		Ngữ văn	6.75			41.90
2	210387	Vũ Nguyễn Thảo	Nguyên	05/11/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Ngữ văn	9				9.00	8.50	8.90		Ngữ văn	7.75			41.90
3	210360	Đào Nguyên	Ngọc	26/02/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Ngữ văn	8.9				8.75	9.50	9.30		Ngữ văn	7.00			41.55
4	210032	Nguyễn Ngọc Thùy	Anh	17/04/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Ngữ văn	8.5				8.50	9.00	7.30		Ngữ văn	7.75			40.30
5	210255	Đặng Hoàng Tuệ	Linh	17/10/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Ngữ văn	8.3				8.50	7.75	9.00		Ngữ văn	7.50			40.25
6	210096	Phạm Quỳnh	Chi	12/02/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Ngữ văn	8				8.75	8.25	9.20		Ngữ văn	7.00			40.20
7	210130	Vương Ánh	Dương	29/03/2009	Nữ	Dáy	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Ngữ văn	8.4				8.50	8.75	8.90		Ngữ văn	7.00			40.15
8	210604	La Thị Minh	Thư	02/12/2009	Nữ	Giáy	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Ngữ văn	8.6				8.25	8.50		8.40	Ngữ văn	7.50			40.15
9	210532	Vũ Thu	Trang	11/08/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Ngữ văn	8.5				9.25	9.00	8.80		Ngữ văn	6.50			40.05
10	210436	Phạm Thị Thu	Phương	25/03/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Ngữ văn	8.5				8.50	8.50	8.60		Ngữ văn	7.00			39.60
11	210022	Lê Vũ Bảo	Anh	18/09/2009	Nữ	Kinh	Bắc Lệnh	Thi tuyển	Ngữ văn	7.6				8.50	8.00	8.50		Ngữ văn	7.25			39.50
12	210070	Giàng An	Bình	30/04/2009	Nữ	Mông	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Ngữ văn	8.8				8.25	8.25	6.80		Ngữ văn	8.00			39.30
13	210368	Nguyễn Bảo	Ngọc	01/07/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Ngữ văn	9.1				9.00	8.50	9.50		Ngữ văn	6.00			39.00
14	210399	Lê Châu	Nhi	25/06/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Ngữ văn	7.6				8.25	8.25	9.50		Ngữ văn	6.50			39.00
15	210506	Trịnh Lê Anh	Thơ	07/04/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Ngữ văn	8.1				8.00	9.00	9.20		Ngữ văn	6.25			38.70
16	210047	Trần Hà	Anh	02/09/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Ngữ văn	9.1				8.25	9.25	9.40		Ngữ văn	5.50			37.90
17	210372	Nguyễn Trần Giai	Ngọc	14/08/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Ngữ văn	8.1				9.00	8.50	9.20		Ngữ văn	5.50			37.70
18	210302	Ngô Phương	Mai	09/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Ngữ văn	8.6				8.50	8.50	8.60		Ngữ văn	6.00			37.60
19	210410	Nguyễn Thị	Nhung	09/12/2009	Nữ	Kinh	TH&THCS Lê Văn Tám	Thi tuyển	Ngữ văn	9.2				7.25	9.00	8.30		Ngữ văn	6.25			37.05
20	210056	Vũ Hoàng Minh	Anh	16/07/2009	Nữ	Tày	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Ngữ văn	7.1				8.25	7.75	8.00		Ngữ văn	6.50			37.00
21	210402	Ngô Mẫn	Nhi	10/04/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Ngữ văn	8.4				7.75	8.25	8.00		Ngữ văn	6.50			37.00
22	210090	Nguyễn Khánh	Chi	11/08/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Ngữ văn	7.7				8.25	8.25	8.30		Ngữ văn	6.00			36.80
23	210064	Trần Lưu Nguyệt	Ánh	01/03/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Ngữ văn	8.2				8.25	7.00	8.20		Ngữ văn	6.50			36.45
24	210218	Nguyễn Thu	Huyền	09/01/2009	Nữ	Kinh	Cam Đường	Thi tuyển	Ngữ văn	8.6				8.75	7.25	7.90		Ngữ văn	6.25			36.40
25	210278	Nguyễn Thùy	Linh	15/06/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Ngữ văn	8.4				8.25	8.75	8.70		Ngữ văn	5.25			36.20
26	210029	Nguyễn Hà	Anh	05/05/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Ngữ văn	8.1				7.50	5.50	8.90		Ngữ văn	7.00			35.90
27	210086	Đoàn Lê Diệp	Chi	22/09/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Ngữ văn	8.3				7.75	7.50	9.10		Ngữ văn	5.75			35.85
28	210508	Trần Thị Huyền	Thu	01/10/2009	Nữ	Kinh	Lê Hồng Phong	Thi tuyển	Ngữ văn	8.2				8.25	8.00	8.10		Ngữ văn	5.75			35.85
29	210049	Trần Phương	Anh	19/04/2009	Nữ	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Ngữ văn	8				8.25	8.00	7.90		Ngữ văn	5.50			35.15
30	210267	Nguyễn Hà	Linh	06/04/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Ngữ văn	9				8.75	7.25	6.60		Ngữ văn	6.25			35.10
31	210280	Phạm Khánh	Linh	30/09/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Ngữ văn	8.9	Thi tuyển	Lịch sử	8.2	7.75	8.25	8.60		Ngữ văn	5.25	Lịch sử	BT	35.10
32	210541	Lê Xuân	Trường	24/05/2009	Nam	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Ngữ văn	9				8.25	8.75	8.10		Ngữ văn	5.00			35.10
33	210566	Nguyễn Thị Mai	Anh	05/09/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Ngữ văn	8.4				8.50	7.25		7.80	Ngữ văn	5.75			35.05
34	210497	Trần Thanh	Thảo	16/01/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Ngữ văn	8.4				7.75	8.50	7.70		Ngữ văn	5.50			34.95
35	210286	Triệu Phương	Linh	06/11/2009	Nữ	Tày	Kim Tân	Thi tuyển	Ngữ văn	8.2				8.25	7.50	9.10		Ngữ văn	5.00			34.85

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Số học sinh dự thi: học sinh
Nhà trường đề nghị tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 34.85
Trong đó: HS dân tộc : 5 ; HS nữ: 34

Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT

Ngô Thị Thu Hường

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH

Đỗ Mạnh Cường

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt trúng tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 34.85

Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thuận

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN TIN HỌC
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	SBD	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Nguyện vọng chuyên 1			Nguyện vọng chuyên 2			Điểm môn không chuyên				Điểm môn chuyên				Điểm xét tuyển
								Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Chuyên buổi 1		Chuyên buổi 2		
1	210207	Nguyễn Gia	Huy	19/02/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	9.4				7.75	10.00	9.40				Tin học	10.00	47.15
2	210328	Ngô Hoàng Hiếu	Minh	04/07/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Tin học	8.3				7.25	8.75	9.30				Tin học	10.00	45.30
3	210191	Trần Đức	Hiếu	10/09/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	9.4				6.00	9.50	9.50				Tin học	10.00	45.00
4	210236	Hoàng Minh	Khánh	26/12/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	9.1	Thi tuyển	Anh	9.0	7.50	8.50	9.60		Tiếng Anh	BT	Tin học	8.50	42.60
5	210466	Trần Hữu	Tiến	24/03/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Tin học	9.6				7.50	9.00	7.60				Tin học	9.00	42.10
6	210203	Nguyễn Quốc	Hùng	26/12/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Tin học	9.2				7.25	8.50	8.00				Tin học	8.60	40.95
7	210330	Nguyễn Tiến	Minh	05/02/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	8.9				6.25	8.00	9.20				Tin học	8.50	40.45
8	210147	Hà Trọng Minh	Đức	05/02/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	8.8				7.50	8.25	8.70				Tin học	7.40	39.25
9	210350	Trần Nguyễn Hải	Nam	24/11/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Tin học	8.0				3.75	9.00	9.20				Tin học	8.50	38.95
10	210139	Hoàng Minh	Đăng	18/12/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	9.1				6.50	9.00	8.80				Tin học	7.30	38.90
11	210468	Nguyễn Tuấn	Tú	06/03/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	9.0				7.25	8.25	9.00				Tin học	7.10	38.70
12	210382	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	27/02/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	9.0				8.00	8.25	9.90				Tin học	6.00	38.15
13	210244	Bùi Minh	Khôi	09/09/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	8.3				7.50	8.75	8.60				Tin học	6.60	38.05
14	210552	Nguyễn Thành	Vinh	22/04/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Tin học	9.0				6.75	8.75	9.30				Tin học	6.50	37.80
15	210414	Ngô Hoàng	Phát	28/03/2009	Nam	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Tin học	9.0				6.25	9.75	8.30				Tin học	6.70	37.70
16	210548	Bùi Quang	Vinh	22/06/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	7.8				7.50	9.50	9.50				Tin học	5.50	37.50
17	210408	Bùi Hồng	Nhung	13/03/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	9.0				7.50	9.00	8.90				Tin học	6.00	37.40
18	210513	Hoàng Minh	Thư	18/09/2009	Nữ	Tày	Bắc Cường	Thi tuyển	Tin học	9.0				7.50	8.50	8.00				Tin học	6.60	37.20
19	210183	Hoàng Khánh	Hiền	07/05/2009	Nam	Tày	Khánh Yên	Thi tuyển	Tin học	8.9				6.25	7.25	9.60				Tin học	6.70	36.50
20	210251	Nguyễn Tuấn	Lâm	10/11/2009	Nam	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Tin học	9.4				8.00	8.25	9.20				Tin học	5.50	36.45
21	210458	Ngô Tấn	Tài	06/11/2009	Nam	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Tin học	9.0				7.25	8.50	7.90				Tin học	6.20	36.05
22	210341	Bùi Khắc	Nam	07/09/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	9.1				6.75	8.00	9.20				Tin học	6.00	35.95
23	210153	Nguyễn Tiến	Đức	21/11/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Tin học	7.8				7.75	8.25	7.90				Tin học	5.50	34.90
24	210329	Nguyễn Nhật	Minh	13/03/2009	Nam	Giáy	TT Phố Lu	Thi tuyển	Tin học	9.5				4.50	7.25	8.20				Tin học	7.40	34.75
25	210185	Bùi Xuân	Hiếu	21/06/2009	Nam	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Tin học	9.8				6.08	6.25	8.00				Tin học	7.00	34.33
26	210536	Hoàng Minh	Triết	16/01/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	9.0	Thi tuyển	Anh	8.7	7.00	8.50	8.80		Tiếng Anh	BT	Tin học	5.00	34.30
27	210441	Nguyễn Trọng	Quang	24/10/2009	Nam	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Tin học	9.3				7.25	8.00	7.00				Tin học	6.00	34.25
28	210347	Phan Trần Phương	Nam	31/10/2009	Nam	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Tin học	9.9				6.75	9.00	6.80				Tin học	5.50	33.55
29	210133	Bùi Tiến	Đạt	27/03/2009	Nam	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Tin học	9.0				7.00	9.00	8.30				Tin học	4.50	33.30
30	210311	Phạm Đức	Mạnh	12/12/2009	Nam	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Tin học	8.0	Thi tuyển	Anh	7.5	6.25	8.25	9.20		Tiếng Anh	4.90	Tin học	4.75	33.20
31	210107	Hoàng Tuấn	Dũng	25/11/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	8.3	Thi tuyển	Tin học	8.3	8.00	9.50	7.90		Toán	1.25	Tin học	3.50	32.40
32	210446	Trần Trung	Quân	21/05/2009	Nam	Kinh	Số 1 Gia Phú	Thi tuyển	Tin học	8.3				7.00	8.50	7.30				Tin học	4.75	32.30
33	210222	Lưu Tuấn	Hưng	20/01/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Tin học	9.8				7.00	8.00	7.00				Tin học	4.75	31.50
34	210546	Vũ Quốc	Việt	25/03/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Tin học	8.5				7.25	9.00	7.40				Tin học	3.75	31.15
35	210538	Phùng Đức	Trọng	16/05/2009	Nam	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Tin học	9.1				6.50	8.50	8.60				Tin học	3.75	31.10

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Số học sinh dự thi: học sinh
Nhà trường đề nghị tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 31.10
Trong đó: HS dân tộc: 03; HS nữ: 03

Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT

Ngô Thị Thu Hường

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH

Đỗ Mạnh Cường

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt trúng tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 31.10

Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Khuân

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN SINH HỌC
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	SBD	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Nguyện vọng chuyên 1			Nguyện vọng chuyên 2			Điểm môn không chuyên				Điểm môn chuyên				Điểm xét tuyển
								Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Chuyên buổi 1		Chuyên buổi 2		
1	210040	Phạm Quỳnh	Anh	09/09/2009	Nữ	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Sinh học	9.3				8.25	9.50	8.60				Sinh học	9.38	45.11
2	210424	Trần Hữu	Phú	21/07/2009	Nam	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Sinh học	9.4				8.25	8.75	8.40				Sinh học	9.38	44.16
3	210104	Hoàng Thị Huyền	Diệu	14/04/2009	Nữ	Kinh	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Sinh học	9.1				7.75	9.50	9.10				Sinh học	8.63	43.61
4	210225	Trần Quang	Hưng	21/01/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Sinh học	9				7.50	8.25	9.20				Sinh học	8.88	42.71
5	210215	Hoàng Thu	Huyền	24/08/2009	Nữ	Tày	TT Phố Lu	Thi tuyển	Sinh học	9.5				7.25	8.50	7.70				Sinh học	9.50	42.45
6	210091	Nguyễn Mai	Chi	28/11/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Sinh học	9.7				8.25	9.00	8.90				Sinh học	8.00	42.15
7	210560	Nguyễn Thanh	Xuân	20/01/2009	Nữ	Kinh	Số 1 Bảo Hà	Thi tuyển	Sinh học	9.4				7.50	9.50	8.10				Sinh học	8.25	41.60
8	210524	Kiều Linh	Trang	04/05/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Sinh học	9.3				8.00	9.25	8.80				Sinh học	7.75	41.55
9	210317	Bùi Thị Tuệ	Minh	28/06/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Sinh học	9.5				7.25	9.00	9.20				Sinh học	8.00	41.45
10	210084	Đào Bùi Tuấn	Chi	03/10/2009	Nữ	Kinh	TT Phố Lu	Thi tuyển	Sinh học	9.7				8.00	6.50	9.10				Sinh học	8.88	41.36
11	210102	Hoàng Thị	Diệp	30/08/2009	Nữ	Kinh	TT Phố Lu	Thi tuyển	Sinh học	8.1				8.00	8.50	7.70				Sinh học	8.50	41.20
12	210486	Bùi Hoàng Phương	Thảo	05/10/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Sinh học	9.4				8.00	8.50	9.70				Sinh học	7.50	41.20
13	210082	Trần Minh	Châu	25/10/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Sinh học	8.4				7.00	9.25	9.30				Sinh học	7.75	41.05
14	210132	Phan Thảo	Đan	07/05/2009	Nữ	Tày	Bắc Lệnh	Thi tuyển	Sinh học	8.6				8.00	8.00	8.70				Sinh học	8.13	40.96
15	210007	Vi Quốc	An	28/05/2009	Nam	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Sinh học	9.2				7.25	9.00	8.40				Sinh học	8.00	40.65
16	210337	Dương Trà	My	18/11/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Sinh học	8.7				8.00	7.25	8.80				Sinh học	8.25	40.55
17	210282	Phùng Phương	Linh	14/03/2009	Nữ	Kinh	TT Phố Lu	Thi tuyển	Sinh học	9.8				7.00	8.25	6.90				Sinh học	9.13	40.41
18	210561	Đặng Hải	Yến	01/03/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Sinh học	8.3				7.50	8.50	8.90				Sinh học	7.75	40.40
19	210433	Nguyễn Thị Diễm	Phương	11/09/2009	Nữ	Mường	Bắc Cường	Thi tuyển	Sinh học	9.4				7.50	9.00	7.80				Sinh học	8.00	40.30
20	210169	Trần Chang Thu	Hà	20/11/2009	Nữ	Hmông	Kim Đồng	Thi tuyển	Sinh học	8.7				6.75	8.25	8.60				Sinh học	8.25	40.10
21	210170	Trần Quang	Hà	15/08/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Sinh học	9.4				7.50	8.25	9.20				Sinh học	7.50	39.95
22	210416	Lê Tuấn	Phong	24/06/2009	Nam	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Sinh học	9.5				8.25	8.25	9.00				Sinh học	7.13	39.76
23	210391	Đặng Bảo	Nhi	16/09/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Sinh học	8.1				7.50	7.75	9.40				Sinh học	7.50	39.65
24	210006	Trần Phúc	An	06/11/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Sinh học	8.8				7.50	7.75	9.00				Sinh học	7.50	39.25
25	210245	Phạm Minh	Khuê	15/12/2009	Nữ	Kinh	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Sinh học	9.6				8.50	7.25	7.60				Sinh học	7.88	39.11
26	210375	Trần Bích	Ngọc	02/10/2009	Nữ	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Sinh học	9.2				7.50	8.25	7.60				Sinh học	7.75	38.85
27	210063	Trần Hoàng Nhật	Anh	24/03/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Sinh học	8.7				7.25	8.75	8.60				Sinh học	7.00	38.60
28	210093	Nguyễn Thị Linh	Chi	16/09/2009	Nữ	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Sinh học	9.5				7.00	8.75	7.30				Sinh học	7.75	38.55
29	210160	Đinh Thanh	Hà	30/11/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Sinh học	8.7				7.75	8.00	8.90				Sinh học	6.88	38.41
30	210371	Nguyễn Khánh	Ngọc	11/12/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Sinh học	9.8				7.75	8.50	7.60				Sinh học	7.13	38.11
31	210143	Phạm Hải	Đăng	28/04/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Sinh học	8.7				7.50	7.50	8.50				Sinh học	7.13	37.76
32	210145	Vũ Hồng	Đăng	27/07/2009	Nam	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Sinh học	8.2				8.00	8.25	7.70				Sinh học	6.88	37.71
33	210235	Cồ Thị Vân	Khánh	05/12/2009	Nữ	Kinh	TT Phố Lu	Thi tuyển	Sinh học	9.2				8.25	7.50	7.80				Sinh học	7.00	37.55
34	210124	Lâm Đại	Dương	15/01/2009	Nam	Hmông	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Sinh học	9.1				8.00	8.25	7.70				Sinh học	6.63	37.21
35	210376	Trần Hà Bảo	Ngọc	01/04/2009	Nữ	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Sinh học	9.4				7.50	7.75	5.70				Sinh học	8.13	37.21

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Số học sinh dự thi: học sinh
Nhà trường đề nghị tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 37.21
Trong đó: HS dân tộc: 05 ; HS nữ: 26
Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2024
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT
Trang Thị Dịn

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH
Đỗ Mạnh Cường

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt trúng tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 37.21
Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Thuận

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN HOÁ HỌC
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	SBD	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Nguyện vọng chuyên 1			Nguyện vọng chuyên 2			Điểm môn không chuyên				Điểm môn chuyên				Điểm xét tuyển
								Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Chuyên buổi 1		Chuyên buổi 2		
1	210556	Trần Uy	Vũ	07/10/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	9.3				8.00	10.00	9.60		Hóa học	8.450			44.50
2	210454	Đào Thái	Sơn	10/05/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	8.4				7.00	9.50	9.10		Hóa học	8.940			43.48
3	210480	Ngô Tuấn	Thái	26/05/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	8.5				7.50	8.50	9.70		Hóa học	8.700			43.10
4	210101	Bùi Ngọc	Diệp	09/02/2009	Nữ	Nùng	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	8.3				8.25	9.25	8.70		Hóa học	7.750			41.70
5	210485	Trịnh Xuân	Thành	11/04/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	9.2				7.00	9.25	9.60		Hóa học	7.800			41.45
6	210103	Vũ Ngọc	Diệp	24/12/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Hóa học	9.5				8.75	9.50	9.20		Hóa học	6.780			41.01
7	210184	Vũ Đỗ Hoàng	Hiệp	08/10/2009	Nam	Kinh	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Hóa học	8.5				5.83	9.50	8.50		Hóa học	8.370			40.57
8	210379	Doãn Khôi	Nguyên	27/02/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	8.3				8.00	8.75	9.20		Hóa học	7.300			40.55
9	210200	Đỗ Huy	Hoàng	18/01/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Hóa học	9.5				8.00	10.00	8.90		Hóa học	6.800			40.50
10	210474	Nguyễn Quốc	Tuấn	02/09/2009	Nam	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Hóa học	8.8	Thi tuyển	Địa lí	8.5	6.25	9.00	8.30		Hóa học	8.200	Địa lí	BT	39.95
11	210543	Nguyễn Thanh	Vân	15/06/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	9.0				8.00	9.00	9.30		Hóa học	6.730			39.76
12	210187	Đặng Trần	Hiếu	02/01/2009	Nam	Giáy	Lê Hồng Phong	Thi tuyển	Hóa học	9.4				6.25	9.50	8.70		Hóa học	7.580			39.61
13	210384	Ngô Tuấn	Nguyên	26/05/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Hóa học	9.0				7.00	8.75	9.50		Hóa học	7.010			39.27
14	210190	Nguyễn Trung	Hiếu	15/09/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	7.3				6.25	9.50	8.10		Hóa học	7.700			39.25
15	210492	Nguyễn Phương	Thảo	08/04/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	8.8				8.50	9.50	9.00		Hóa học	6.030			39.06
16	210439	Lê Minh	Quang	10/02/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Hóa học	9.1				8.25	9.50	9.50		Hóa học	5.830			38.91
17	210202	Phạm Huy	Hoàng	27/08/2009	Nam	Kinh	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Hóa học	9.2				7.75	9.50	9.00		Hóa học	6.300			38.85
18	210450	Nguyễn Ngọc Phú	Quý	10/10/2009	Nam	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Hóa học	9.1				7.25	8.75	8.70		Hóa học	7.000			38.70
19	210210	Phạm Gia	Huy	25/06/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	7.7				7.42	8.75	9.40		Hóa học	6.100			37.77
20	210607	Phạm Ngọc	Thương	01/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	8.0				7.00	7.00		8.40	Hóa học	7.500			37.40
21	210121	Cao Huy Thùy	Dương	26/06/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Hóa học	8.9				8.50	8.75	8.40		Hóa học	5.780			37.21
22	210155	Vũ Quang	Đức	01/02/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	7.1				6.75	8.50	8.80		Hóa học	6.530			37.11
23	210037	Nguyễn Việt	Anh	11/05/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Hóa học	9.1				6.25	8.75	9.10		Hóa học	6.130			36.36
24	210559	Trần Ngọc Tường	Vy	22/02/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	8.6				7.75	8.00	8.70		Hóa học	5.820			36.09
25	210284	Trần Nguyễn Khánh	Linh	15/03/2009	Nữ	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Hóa học	8.5				8.50	7.75	8.60		Hóa học	5.480			35.81
26	210095	Nguyễn Vũ Hà	Chi	25/08/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Hóa học	9.2				7.75	8.75	8.50		Hóa học	5.200			35.40
27	210503	Nguyễn Việt	Thắng	09/01/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	8.6				7.50	9.25	9.40		Hóa học	4.550			35.25
28	210028	Nguyễn Đức	Anh	27/02/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	8.6				7.50	7.50	9.20		Hóa học	5.230			34.66
29	210318	Đam Ngọc	Minh	29/08/2009	Nữ	Xơ-đăng	Bắc Lệnh	Thi tuyển	Hóa học	8.3				7.75	8.00	8.20		Hóa học	5.250			34.45
30	210392	Đinh Thị Yến	Nhi	11/09/2009	Nữ	Kinh	Pom Hán	Thi tuyển	Hóa học	9.2				8.50	9.00	8.20		Hóa học	4.250			34.20
31	210334	Phạm Tuệ	Minh	23/08/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Hóa học	8.4				7.25	8.25	8.90		Hóa học	4.880			34.16
32	210520	Bùi Thu	Trang	16/04/2009	Nữ	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Hóa học	9.4				6.75	8.25	8.60		Hóa học	5.220			34.04
33	210258	Đỗ Khánh	Linh	02/10/2009	Nữ	Kinh	Ngô Văn Sở	Thi tuyển	Hóa học	8.7				7.50	8.50	8.70		Hóa học	4.500			33.70
34	210562	Trương Hải	Yến	09/01/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Hóa học	9.0				8.00	8.50	9.10		Hóa học	3.840			33.28
35	210358	Trần Trọng	Nghĩa	21/04/2009	Nam	Kinh	Bình Minh	Thi tuyển	Hóa học	8.8				6.50	8.50	8.00		Hóa học	5.080			33.16

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Số học sinh dự thi: học sinh
Nhà trường đề nghị tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 33.16
Trong đó: HS dân tộc : 03 ; HS nữ: 15

Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT

Ngô Thị Thu Hường

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH

Đỗ Mạnh Cường

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt trúng tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 33.16

Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thuận

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN VẬT LÍ
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	SBD	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Nguyện vọng chuyên 1			Nguyện vọng chuyên 2			Điểm môn không chuyên				Điểm môn chuyên				Điểm xét tuyển
								Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Chuyên buổi 1		Chuyên buổi 2		
1	210320	Đặng Ngọc	Minh	05/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	9.7				9.00	9.25	9.60				Vật lí	10.00	47.85
2	210071	Phạm Phú	Bình	27/03/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	8.9				8.00	9.00	9.00				Vật lí	10.00	46.00
3	210400	Lê Yến	Nhi	15/05/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	9.4				8.25	10.00	9.60				Vật lí	9.00	45.85
4	210475	Nguyễn Quốc	Tuấn	03/03/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	9.3				7.25	9.50	9.40				Vật lí	9.50	45.15
5	210599	Tạ Thùy	Quỳnh	30/09/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	9.9				7.00	9.50		9.80			Vật lí	9.00	44.30
6	210539	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	19/05/2009	Nữ	Mường	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	9.3				8.25	9.00	9.60				Vật lí	8.25	43.35
7	210248	Đinh Bảo	Lâm	12/09/2009	Nam	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Vật lí	9.0				7.00	9.50	8.20				Vật lí	9.25	43.20
8	210204	Bùi Gia	Huy	06/09/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	9.2				7.50	8.75	9.40				Vật lí	8.75	43.15
9	210039	Nhữ Tiến	Anh	27/11/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	7.6				7.50	7.75	9.70				Vật lí	9.00	42.95
10	210319	Đặng Anh	Minh	05/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	9.0				8.25	7.75	9.30				Vật lí	8.75	42.80
11	210005	Nguyễn Gia	An	24/08/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	9.4				6.25	8.50	9.50				Vật lí	9.25	42.75
12	210171	Vàng Việt	Hà	08/08/2009	Nữ	Giáy	NT Mường Khương	Thi tuyển	Vật lí	9.8				6.25	9.00	8.80				Vật lí	9.25	42.55
13	210011	Đào Minh	Anh	29/05/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Vật lí	9.7				7.75	8.50	9.30				Vật lí	8.00	41.55
14	210048	Trần Phan	Anh	18/11/2009	Nữ	Giáy	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Vật lí	9.7	Thi tuyển	Ngữ văn	8.3	8.00	9.50	8.60		Ngữ văn	BT	Vật lí	7.50	41.10
15	210293	Vùi Minh	Long	10/03/2009	Nam	Dáy	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Vật lí	9.3				7.75	8.00	9.20				Vật lí	8.00	40.95
16	210211	Phạm Trường	Huy	05/03/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	7.4				6.75	8.50	9.70				Vật lí	7.75	40.45
17	210448	Phùng Bảo	Quốc	13/02/2009	Nam	Kinh	Khánh Yên	Thi tuyển	Vật lí	7.6				6.75	8.75	8.70				Vật lí	8.00	40.20
18	210067	Nguyễn Nhật	Bảo	22/12/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	8.5				5.50	8.25	9.40				Vật lí	8.50	40.15
19	210100	Lê Phương	Diễm	08/10/2009	Nữ	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Vật lí	9.7				7.75	9.50	8.00				Vật lí	7.00	39.25
20	210197	Cao Minh	Hoàng	28/01/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Vật lí	9.1				7.50	7.00	8.70				Vật lí	8.00	39.20
21	210325	Hoàng Tuấn	Minh	03/09/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Vật lí	8.8	Thi tuyển	Toán	8.5	7.50	8.50	8.70		Toán	BT	Vật lí	7.25	39.20
22	210186	Chử Ngọc	Hiếu	14/03/2009	Nam	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Vật lí	9.4				7.50	9.00	7.00				Vật lí	7.75	39.00
23	210359	Cao Hoàng Minh	Ngọc	18/01/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Vật lí	8.8				7.00	9.50	8.00				Vật lí	7.25	39.00
24	210477	Trần Quốc	Tuấn	29/11/2009	Nam	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Vật lí	8.6				7.75	9.25	7.00				Vật lí	7.50	39.00
25	210489	Đỗ Thanh	Thảo	03/03/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Vật lí	9.4				7.75	9.00	9.20				Vật lí	6.50	38.95
26	210340	Nguyễn Vũ Hà	My	04/04/2009	Nữ	Cao Lan	Khánh Yên	Thi tuyển	Vật lí	9.3				8.00	9.00	8.40				Vật lí	6.75	38.90
27	210440	Lê Vinh	Quang	30/11/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	8.9				7.75	8.50	9.60				Vật lí	6.50	38.85
28	210114	Nguyễn Tiến	Dũng	04/08/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Vật lí	9.0				6.75	9.75	9.40				Vật lí	6.25	38.40
29	210172	Nguyễn Nhật	Hạ	23/11/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Vật lí	9.3				6.75	8.75	9.40				Vật lí	6.75	38.40
30	210253	Trịnh Bảo	Lâm	25/01/2009	Nam	Kinh	Bắc Cường	Thi tuyển	Vật lí	9.5				6.50	9.50	7.70				Vật lí	7.25	38.20
31	210089	Ngô Kim	Chi	13/10/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	8.9				8.00	8.50	8.80				Vật lí	6.25	37.80
32	210361	Đào Vũ Bảo	Ngọc	12/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	8.6				9.00	9.50	9.00				Vật lí	5.00	37.50
33	210111	Nguyễn Đức	Dũng	24/08/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Vật lí	9.8				8.00	9.50	9.20				Vật lí	5.25	37.20
34	210226	Vũ Việt	Hưng	20/12/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Vật lí	7.1				6.50	7.50	9.20				Vật lí	7.00	37.20
35	210212	Trần Gia	Huy	10/08/2009	Nam	Kinh	Lê Hồng Phong	Thi tuyển	Vật lí	9.0	Thi tuyển	Anh	8.0	5.75	7.50	9.40		Tiếng Anh	4.15	Vật lí	7.25	37.15

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Số học sinh dự thi: học sinh
Nhà trường đề nghị tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 37.15
Trong đó: HS dân tộc: 05 ; HS nữ: 14

Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2024
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT

Tráng Thị Dìn

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH

Đỗ Mạnh Cường

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt trúng tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 37.15

Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Thuận

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÀO CAI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 CHUYÊN TOÁN HỌC
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	SBD	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Nguyện vọng chuyên 1			Nguyện vọng chuyên 2			Điểm môn không chuyên				Điểm môn chuyên				Điểm xét tuyển
								Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Loại DT	Môn DT	ĐTB môn DT	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Chuyên buổi 1		Chuyên buổi 2		
1	210443	Ngô Trung	Quân	14/08/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	9.9				8.25	10.00	9.80		Toán	8.25			44.55
2	210499	Đào Duy	Thăng	12/05/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	9.6				8.25	10.00	9.50		Toán	8.25			44.25
3	210482	Trương Quang	Thái	15/09/2009	Nam	Mường	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Toán	9.8				7.50	9.75	9.70		Toán	8.25			43.45
4	210274	Nguyễn Ngọc Bảo	Linh	07/01/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	9.5				8.25	9.50	8.80		Toán	8.25			43.05
5	210349	Trần Hoàng	Nam	20/07/2009	Nam	Kinh	Hoàng Hoa Thám	Thi tuyển	Toán	9.9				7.50	10.00	9.00		Toán	8.25			43.00
6	210073	Hoàng Trần	Cảnh	13/07/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Toán	9.3				8.50	9.75	8.40		Toán	8.00			42.65
7	210108	Lê Anh	Dũng	08/09/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Toán	9.7				8.50	9.50	9.30		Toán	7.25			41.80
8	210224	Phạm Ngọc	Hưng	03/05/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	9.2				8.25	9.75	9.60		Toán	6.75			41.10
9	210445	Nguyễn Minh	Quân	10/08/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Toán	8.7				7.50	9.25	8.00		Toán	8.00			40.75
10	210333	Phạm Quang	Minh	22/08/2009	Nam	Tày	Kim Tân	Thi tuyển	Toán	9.4				8.00	10.00	9.00		Toán	6.75			40.50
11	210144	Vũ Đỗ Hải	Đăng	03/01/2009	Nam	Kinh	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Toán	9.7	Thi tuyển	Tin học	9.0	7.50	10.00	8.70		Toán	7.00	Tin học	0.25	40.20
12	210018	Hà Lương Ngọc	Anh	09/08/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	10.0				6.50	10.00	8.90		Toán	7.25			39.90
13	210411	Trần Hồng	Nhung	04/03/2009	Nữ	Kinh	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Toán	9.9				7.50	9.75	8.60		Toán	7.00			39.85
14	210449	Nguyễn Minh Phú	Quý	10/10/2009	Nam	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Toán	9.4				7.25	10.00	8.40		Toán	7.00			39.65
15	210112	Nguyễn Như	Dũng	11/09/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Toán	9.5				8.00	9.75	9.20		Toán	6.25			39.45
16	210323	Đỗ Nhật	Minh	28/12/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Toán	9.0				8.25	9.75	8.70		Toán	6.25			39.20
17	210016	Đoàn Vũ	Anh	02/11/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	9.6				8.75	8.50	9.40		Toán	6.25			39.15
18	210295	Nguyễn Gia	Lương	05/10/2009	Nam	Kinh	TT Phố Lu	Thi tuyển	Toán	9.3				7.00	9.25	8.10		Toán	7.00			38.35
19	210465	Phan Minh	Tiến	15/11/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	9.8				7.50	9.50	9.30		Toán	6.00			38.30
20	210335	Vũ Nguyễn Tuệ	Minh	12/10/2009	Nữ	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	9.6				7.25	8.25	8.90		Toán	6.75			37.90
21	210035	Nguyễn Thị Minh	Anh	02/02/2009	Nữ	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Toán	9.0				8.50	8.75	9.10		Toán	5.75			37.85
22	210116	Đặng Đức	Duy	01/12/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	9.4				6.00	9.75	9.10		Toán	6.50			37.85
23	210092	Nguyễn Mai	Chi	22/02/2009	Nữ	Kinh	Kim Đồng	Thi tuyển	Toán	9.4				8.00	9.50	8.00		Toán	6.00			37.50
24	210174	Trần Đông	Hải	04/09/2009	Nam	Tày	Pom Hán	Thi tuyển	Toán	8.8				6.50	8.50	8.80		Toán	6.75			37.30
25	210504	Đỗ Anh	Thơ	28/04/2009	Nữ	Kinh	TT Bắc Hà	Thi tuyển	Toán	9.4				7.83	9.25	9.00		Toán	5.50			37.08
26	210021	Lê Trung	Anh	26/02/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Toán	9.2				6.00	9.00	7.50		Toán	7.25			37.00
27	210309	Ngô Đức	Mạnh	12/12/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	9.6				5.75	10.00	8.20		Toán	6.50			36.95
28	210154	Phạm Nguyễn Minh	Đức	27/01/2009	Nam	Kinh	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	8.8	Thi tuyển	Tin học	9.6	8.25	9.25	9.40		Toán	5.00	Tin học	10.00	36.90
29	210142	Nguyễn Hoàng Bảo	Đăng	14/09/2009	Nam	Tày	Lê Quý Đôn	Thi tuyển	Toán	8.6				7.25	9.50	9.50		Toán	5.25			36.75
30	210502	Nguyễn Huy	Thắng	01/01/2009	Nam	Kinh	Pom Hán	Thi tuyển	Toán	9.0				7.00	9.25	8.50		Toán	6.00			36.75
31	210442	Hoàng Minh	Quân	30/08/2009	Nam	Kinh	Kim Tân	Thi tuyển	Toán	9.0				8.00	9.50	8.80		Toán	5.00			36.30
32	210558	Phan Hà	Vy	10/08/2009	Nữ	Kinh	TT Bát Xát	Thi tuyển	Toán	9.3				8.25	10.00	7.30		Toán	5.25			36.05
33	210042	Phạm Việt	Anh	01/06/2009	Nam	Kinh	TT Mường Khương	Thi tuyển	Toán	9.8				7.50	9.50	7.80		Toán	5.50			35.80
34	210050	Trần Quang	Anh	16/01/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Toán	9.6				7.75	9.25	8.10		Toán	5.25			35.60
35	210020	Lê Thế	Anh	24/09/2009	Nam	Kinh	Lý Tự Trọng	Thi tuyển	Toán	9.1	Thi tuyển	Tin học	8.5	8.25	9.50	8.10		Toán	4.75	Tin học	0.50	35.35

XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Số học sinh dự thi: học sinh
Nhà trường đề nghị tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 35.35
Trong đó: HS dân tộc : 04 ; HS nữ: 7

Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Khuê

CÁN BỘ DUYỆT

Trần Thị Dịu

LÃNH ĐẠO PHÒNG GDTrH

Đỗ Mạnh Cường

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Duyệt trúng tuyển: 35 học sinh
Điểm chuẩn: 35.35

Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thuận